

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

==&&&==

BÁO CÁO

kết quả hoạt động của "chương trình Phát Triển nông thôn tổng hợp " do nguồn tài trợ của AAV Lai Châu Giai đoạn từ 2000 - 2003 trên địa bàn xã Thanh Nưa

Xã Thanh nưa là một trong những xã đặc biệt khó khăn của huyện Điện Biên. Là xã thuộc địa bàn biên giới, dân cư sống giải giáp bao gồm 4 dân tộc anh em cùng sinh sống, có 35 đội, bản trong đó có 11 bản nghèo đặc biệt khó khăn và những bản này được dự án AAV quan tâm hỗ trợ trực tiếp.

Xuất phát từ tình hình khó khăn và nhu cầu thực tế thời gian qua nhân dân trên địa bàn xã Thanh Nưa nói chung và cộng đồng các dân tộc tại các bản thuộc vùng dự án nói riêng đã nhận được sự tài trợ của AAV Lai Châu và các cơ quan ban ngành của huyện của Tỉnh cụ thể đã có những hoạt động như sau:

Các hoạt động hỗ trợ tập trung vào các nội dung chương trình chủ yếu là: Chương trình Tiết kiệm tín dụng cho phụ nữ nghèo, chương trình khuyến nông hướng tới người nghèo, chương trình thú y và chăn nuôi, chương trình Bảo vệ thực vật, chương trình y tế cộng đồng, chương trình nước sạch sinh hoạt, chương trình cung cấp thông tin khoa học kỹ thuật mới, chương trình xoá mù chữ gắn với phát triển cộng đồng (XMC-PTCD).

Kết quả:

I. Chương trình Tiết kiệm tín dụng (TKTD):

- Số thành viên tham gia từ đầu chương trình tới nay là 911 thành viên.
- Tổng số cụm là: 35 cụm,
- Tổng số nhóm là: 143 nhóm
- Tổng số vốn do AAV cấp từ đầu chương trình đến nay là 234 triệu đồng
- Tổng số vốn tự có là 52.518.800 đồng (lãi lưu dư từ đầu chương trình tới nay).

Từ chương trình này nhiều chị em phụ nữ nghèo đã được tham gia vay vốn để đầu tư vào trồng trọt chăn nuôi phát triển sản xuất. Từ đó bớt đi phần nào những khó khăn, điều quan trọng là từ chương trình này vị trí của nhiều chị em phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội đã được nâng lên rõ rệt. Ví dụ như chị em được chủ động tham gia vay vốn, sử dụng vốn có hiệu và gửi tiết kiệm nếu có, chị em được tự quản lý nguồn vốn của mình, chị em được thường xuyên giao lưu học hỏi kinh nghiệm trong sản xuất cũng như trong cuộc sống giúp nhau tự vươn lên.

II. Chương trình XMC-PTCD:

Chương trình được bắt đầu từ tháng 4 năm 2001 đến năm 2003 với 7 lớp XMC_PTCĐ năm 2001-2002 và 12 lớp sau XMC-PTCĐ năm 2002 - 2003.

Tổng số học viên là 395 học viên trong đó 90 % là chị em phụ nữ.

Tổng chi phí cho 2 khoá học này là: 119 573 900 đồng.

Các lớp học được tổ chức và duy trì đến kết thúc khoá học. Các học viên sau khi kết thúc khoá học đã được tổ chức thi đánh giá kết quả của từng học viên.

Điều quan trọng hơn cả là qua các lớp học này nhiều chị em phụ nữ nghèo trước kia mù chữ nay không những đã được xoá mù mà còn vừa được học chữ lại vừa được học các kỹ thuật trong sản xuất, chăm sóc sức khoẻ và đời sống. Do đó nhiều chị em phụ nữ và nam giới nói chung những nhận thức lạc hậu đã được phân nào dần cải thiện.

III. Chương trình khuyến nông:

Hình thành mạng lưới khuyến nông tới các thôn bản đã thực sự đáp ứng được mong lợi của người dân đặc biệt là phụ nữ nghèo dân tộc vùng sâu vùng xa. Chương trình được hoạt động theo hình thức nhóm sở thích các thành viên tham gia vừa được tập huấn kỹ thuật vừa được vay vốn áp dụng làm theo. Các nhóm tự làm chủ và quản lý nguồn vốn đó. Vốn của mỗi nhóm tuy chưa được nhiều nhưng đã giúp được cho nhiều hộ gia nghèo không có điều kiện vay món vốn lớn và sử dụng vốn đã thực sự có hiệu quả.

- Tổng số nhóm là 20 nhóm bao gồm nhóm sở thích trồng lúa, ngô, đậu tương, chăn nuôi lợn nái sinh sản, lợn thịt, chăn nuôi gà, cá.

- Tổng số hộ tham gia là 279 hộ chủ yếu là những hộ nghèo khó khăn.

- Tổng số vốn đến tận các nhóm là 47.803.000 đồng.

IV. Chương trình Bảo Vệ Thực Vật:

Từ năm 2001 các bản vùng dự án cũng đã được hình thành mạng lưới BVTV đến tận các thôn bản với sự giúp đỡ của AAV và Trạm BVTV huyện. Đây cũng là một hoạt động rất thiết thực đối với người dân. Xã được cử một cán bộ chuyên trách về mảng BVTV và thường xuyên được tập huấn về chuyên môn, quản lý. Thành lập các câu lạc bộ IPM và xây dựng tủ thuốc BVTV tại cộng đồng.

Chương trình đã tạo cơ hội cho người nghèo đặc biệt là phụ nữ nghèo có cơ hội được tiếp cận với dịch vụ BVTV và áp dụng kỹ thuật phòng trừ dịch hại tổng hợp cho cây trồng tại đại bản đang sinh sống.

- Tổng số câu lạc bộ IPM là 12 câu lạc bộ với 191 hộ, 238 thành viên tham gia. Chủ yếu là CLB IPM trên cây lúa, ngô, đậu tương.

- Xây dựng 10 tủ thuốc BVTV tại 10 bản.

- Tổng kinh phí cho chương trình này là: 33.373.410 đồng.

- Tổ chức được 12 lớp tập huấn cho nông dân trong đó chị em phụ nữ tham gia chiếm 50%.

Qua chương trình này đã giúp cho bà con tiếp cận thuận tiện hơn với dịch vụ thuốc BVTV và nhiều người dân đã biết sử dụng thuốc BVTV hợp lý và hiệu quả hơn. dịch bệnh có phần giảm, năng suất cây trồng được tăng lên.

V. Chương trình chăn nuôi thú y:

Từ năm 2000 được sự hỗ trợ về kinh phí, kỹ thuật của AAV Lai Châu và Trạm thú Y huyện Điện Biên. Xã Thanh Nưa đã được hình thành mạng lưới thú y đến tận các thôn bản cụ thể là:

- Đào tạo được 40 thú y viên tại 32 thôn bản.
- Xây dựng 25 tủ thuốc cho các bản xa trung tâm.
- Thành lập 6 nhóm sở thích chăn nuôi gà, lợn, dê.
- Mở lớp tập huấn cho nông dân 12 lớp với 299 người tham gia trong đó phụ nữ chiếm 50%.

Tổng kinh phí cho hoạt động này là: 69 199 000-đồng.

Đến nay đội ngũ thú y hoạt động có nề nếp và hiệu quả đặc biệt là công tác tiêm phòng gia súc gia cầm, hàng năm 100% số đầu gia súc được tiêm phòng định kỳ. Do đó dịch bệnh giảm và đầu gia súc gia cầm hàng năm tăng từ 3-4%.

Thành lập các nhóm sở thích chăn nuôi tại các bản cũng là một hoạt động thú y đầy phát triển chăn nuôi cho các hộ gia đình. Ví dụ như các hộ nghèo trước kia không có con vật trong nhà để nuôi nay đã có 1-2 con lợn, có dê nuôi, có lợn nái đẻ sinh sản có được như vậy cũng là do tham gia vào nhóm sở thích được học hỏi chia sẻ kinh nghiệm từ mọi người xung quanh, từ các buổi tập huấn do án bộ kỹ thuật ở huyện, xã xuống tổ chức và được AAV hỗ trợ vốn để áp dụng theo kỹ thuật đó...

VI. Chương trình y tế cộng đồng:

Chương trình y tế cũng là một trong những hoạt động tích cực từ năm 2001 đến nay chương trình chủ yếu tập trung hỗ trợ vào các hoạt động củng cố và nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ y tế thôn bản, tổ chức tuyên truyền về chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân, trang bị tủ thuốc y tế cộng đồng tại các bản, truyền thông về phòng chống HIV/AIDS thông qua các buổi sinh hoạt câu lạc bộ tại cộng đồng cụ thể là:

- Trang bị 10 tủ thuốc y tế tại 10 bản vùng dự án (tủ, thuốc, bộ đỡ đẻ, túi y cụ).
- Đào tạo y tế thôn bản mỗi năm 2 lần (đào tạo bà đỡ dân gian, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn).
- Tổ chức tuyên truyền về chăm sóc sức khỏe ban đầu cho cộng đồng mỗi bản 2-3 lần/năm bao gồm (tuyên truyền về vệ sinh ăn uống, vệ sinh phụ nữ, chăm sóc thai nghén, chăm sóc con nhỏ thực hiện các bữa ăn dinh dưỡng, tuyên truyền về phòng chống bệnh sốt rét, tổ chức khám phụ khoa và cấp thuốc cho chị em phụ nữ).
- Thành lập câu lạc bộ phòng chống HIV/AIDS gồm 30 thành viên. Các thành viên sinh hoạt câu lạc bộ là những người tình nguyện tham gia đa số là những thành

phần gia đình có người nghiện hút ma túy hoặc có nguy cơ cao... Câu lạc bộ này sinh hoạt định kỳ 1 lần/ tháng.

Kinh phí cho hoạt động này từ đầu chương trình đến nay là: 74 299 600 đồng.

Sau một thời gian hoạt động chương trình y tế cũng là một trong những chương trình có hiệu quả. Chương trình đã giúp cho người dân phần nào có những thay đổi về hành vi lối sống trong sinh hoạt hàng ngày ví dụ như trong ăn uống, chăm sóc con cái, quan trọng hơn cả là tại các bản nay đã có bà đỡ dân gian để hỗ trợ cho những ca đẻ thường. Có tủ thuốc y tế bao gồm đủ các loại thuốc thông thường để phục vụ cho bà con những lúc ốm đau không phải đi mua thuốc ở xa.

VI. Chương trình nước sinh hoạt:

Nhiều chị em đã nói rằng: " từ khi có công trình nước sinh hoạt đến bản chúng tôi đỡ vất vả hơn nhiều vì không phải đi lấy nước từ xa, không phải lo thiếu nước về mùa khô, khi đi làm đồng hoặc trên nương không phải lo đi về sớm để còn dành thời gian đi lấy nước chúng tôi rất phấn khởi"

Từ năm 2001 đến nay các bản đặc biệt khó khăn về nước sinh hoạt cũng đã được dự án hỗ trợ đầu tư xây các công trình cấp nước tự chảy cụ thể tại các bản Năm Tì A, Năm Tì B, Pá Sáng, Xá Nhù, Co Pục

Tổng kinh phí cho các công trình này là: 212. 386. 100 đồng.

Hỗ trợ cho các hội dùng nước: 4.399.000đ (cấp dụng cụ sửa chữa các công trình và tập huấn)

Từ chương trình này đã giúp cho được hơn một nghìn dân tại các bản được sử dụng nước sạch sinh hoạt.

Để đảm bảo các chương trình này được sử dụng lâu dài và bền vững thì việc xây dựng và quản lý các chi hội dùng nước tại các bản là việc làm cần thiết.

Đến nay đã có 6 chi hội dùng nước tại 6 bản có công trình nước sinh hoạt. Các chi hội này đã tự xây dựng nội quy hoạt động và quy định thu lệ phí để có nguồn vốn để bảo dưỡng sửa chữa khi công trình bị hư hỏng.

Đến nay đã thu được tổng số là: 3 406 432 đồng.

VII. Chương trình cung cấp thông tin kỹ thuật mới cho nông dân:

Bắt đầu từ tháng 07 năm 2003 được sự hỗ trợ của AAV Lai Châu Xã Thanh Nưa đã thành lập một Trung tâm thông tin khoa học công nghệ gồm:

1. Thư viện điện tử.

- 2.600 bộ tài liệu
- 12.0000 công nghệ và tiến bộ khoa học
- 595 chuyên gia tư vấn chuyển giao công nghệ thuộc các lĩnh vực.

2. Phim khoa học: 42 phim

- Trang Web riêng của từng xã

- Bản tin nông thôn mới và các loại báo.
- Truy cập và trao đổi thông tin với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khác trên Internet.

HIỆU QUẢ TRUNG TÂM CNTT.

- Trong 5 tháng có 138 lượt người lấy tin trong đó nữ: 47 người, nam: 91 người.

- Mỗi tin số trang nhiều nhất là 72 trang, số ít nhất là 2 trang.

Tổng số 145 tin được chia ra là 21 loại số người lấy tin như sau:

- Về Kinh tế

1. Tra cứu thông tin chuyển đổi cơ cấu cây trồng

2. Nâng cao trình độ quản lý và dân trí

3. Tiết kiệm chi phí trong sản xuất.

- Về xã hội:

Công nghệ số hoá các nguồn tin ở cơ sở một cách nhanh chóng, kịp thời và chính xác.

+ Liên kết các khâu giáo dục và đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh.

+ Người nông dân tiếp cận được với công nghệ thông tin, tự tin trong công việc.

1.4. Người dân được tiếp cận với khoa học công nghệ thông tin, biết ứng dụng được một số tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và kinh doanh, góp phần vào tăng thu nhập.

- Điển hình như nhóm sở thích chăn nuôi gà ở bản Po Khoang nhiều chị mới học hết lớp sau xoá mù chữ phát triển cộng đồng, như chị Lò Thị Xiêng trước đây gia đình chị nuôi cả lớn đến bé không quá 10 con gà, vì thường xuyên bị chế vì dịch bệnh. Nay chị đã biết đọc viết, tính toán lại được vay vốn chị mạnh dạn tìm hiểu

thông tin tại Trung tâm về áp dụng thử. Chị mua 70 con gà giống. Hàng tháng tỉn phòng, làm chuồng trại đúng kỹ thuật, cho ăn và chăm sóc theo quy trình khoa học. Sau 4 tháng đã bán được 1.875.000đ, trừ chi phí cả giống và thức ăn còn 1.100.000đ nhiều điểm hình khác như chị Ánh, chị Bình, anh Khôm, anh Muôn...

✓ - Khách đặt mua sản phẩm thổ cẩm qua tìm hiểu sản phẩm mẫu trên trang Web như Công ty Minh Trần - Liên doanh với Nhật Bản, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh đặt mua của chị Lò Thị Hoa xã Thanh Nưa đã bán được 1.000.000đ từ hàng.

✓ - Lê Thị Kiều Vân - nhân viên Công ty Liên doanh Mỹ - Phương 7, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh đặt mua của chị Lò Thị Hoa đã bán được 400.000đ và gửi hàng cho khách.

1.5. Gây được niềm tin trong nhân dân "Từ không đến có, từ ít đến nhiều, từ đến khó, biến ước mơ thành hiện thực" đó là một quá trình lao động miệt mài, sáng tạo. Như chị Lương Thị Cảo một cô gái Thái duyên dáng thông minh dễ thương cùng với 2 đồng nghiệp của chị đã tâm sự: "trước đây nói đến máy vi tính là một cái gì đó rất cao siêu không bao giờ dám mơ đến, đừng nói đến sử dụng nữa" nay chị đã có thể thay phiên nhau trực trong tuần, sẵn sàng phục vụ bất cứ lúc nào khi con cần lấy tin.

1.6. Trung tâm là địa chỉ đáng tin cậy của bà con nông dân đến khai thác thông tin. Tiết kiệm kinh phí soạn thảo văn bản cho xã (trong 5 tháng) là: 4.000đ x 1.300 trang = 5.200.000đ.

1.7. Mô hình cung cấp công nghệ thông tin để phát triển nông thôn và miền núi là hợp với ý Đảng, lòng dân tạo ra sự ủng hộ của toàn xã hội.

1.8. Phát triển nguồn nhân lực cho công nghệ thông tin là yếu tố then chốt có nghĩa quyết định đối với việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, để rút ngắn khoảng cách xói mòn giảm nghèo, tăng giàu.

VIII- QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN.

A. Thuận lợi:

1. Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước coi công nghệ thông tin là một trong các động lực quan trọng nhất của sự phát triển... phù hợp với xu thế phát triển của trong nước và thế giới.
2. Được sự hỗ trợ về kinh phí cũng như kỹ thuật của tổ chức AAV.
3. Có cơ sở vật chất như phòng làm việc, thiết bị ban đầu về CNTT.
4. Được sự ủng hộ của các ban ngành và đoàn thể, đặc biệt là cán bộ nhân viên của xã tham gia nhiệt tình.

Đó là tiền đề tuy còn nhỏ bé nhưng cũng để thúc đẩy phát triển CNTT tại địa phương nhà.

B. Khó khăn:

1. Thách thức lớn nhất là nguồn lực CNTT còn thiếu và yếu, chưa có đội ngũ chuyên viên giỏi về lĩnh vực CNTT.
2. Trình độ dân trí thấp, cản trở về ngôn ngữ. Bản tin trong thư điện tử chữ nhỏ quá nhỏ và mở khó đọc gây khó hiểu cho nên nhân dân ngại đến lấy tin.
3. Công tác đào tạo về truyền thông chưa được chú ý như tư vấn, chỉ dẫn cho người dùng tin.
4. Chưa có chế độ chính sách khuyến khích, động viên cho cán bộ quản lý hướng dẫn khai thác tin.

Những kiến nghị và đề xuất cho giai đoạn từ 2004 - 2006:

- Cần thiết phải **chuyển giao trách nhiệm** lập kế hoạch, thiết kế, thực hiện và giám sát các chương trình từ đối tác cấp huyện xuống cộng đồng địa phương.
- Củng cố và chuyển giao các chương trình xuống địa phương theo hướng tự vận hành về tổ chức và tài chính theo các nội dung:
 - ✓ Về mục đích hoạt động: nhằm hỗ trợ phát triển kinh tế và phát triển nguồn nhân lực
 - ✓ Về tính chất hoạt động: phi lợi nhuận.

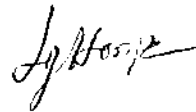
- ✓ Về nội dung hoạt động : cung cấp các dịch vụ tiết kiệm và tín dụng, y tế cộng đồng, giáo dục, thú y, bảo vệ thực vật, nước sinh hoạt, công nghệ thông tin liên gắn với các hoạt động phát triển xã hội và con người.
- ✓ Về mặt tổ chức: là tổ chức hạch toán độc lập có cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý và thủ tục vận hành, chế độ hạch toán kế toán, chế độ báo cáo, kiểm tra giám sát, kiểm toán tự vững về mặt tổ chức và tài chính;
- ✓ Về nguyên tắc quản lý : dựa trên sự tự nguyện, hợp tác, dân chủ, tự quản.

Trên đây là những hoạt động và kết quả xã Thanh Nưa từ 2000- 2003 với sự trợ của AAV Lai Châu và các cơ quan ban ngành của huyện, Tỉnh.

Thanh Nưa, ngày 07 tháng 01 năm 2004.

TM/ UBND xã Thanh Nưa

Phó CT



Lương Văn Hịa